

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/HC-PT

Ngày 26/5/2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố M tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố M, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 772/2019/TLPT-HC ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2019/HCST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 404/2020/QĐXXPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Chùa B; địa chỉ: Số 11/31 đường Nguyễn An Ninh, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Minh P, sinh năm 1968; địa chỉ liên hệ: Số 467/7, đại lộ Bình Dương, khu phố 1, phường Phú Cường, thành phố Thủ D2, tỉnh B D (Văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Minh N1 và bà Nguyễn Tuyết N2 là Luật sư Công ty Luật TNHH Tâm Quang thuộc Đoàn Luật sư Thành phố M (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Bộ trưởng Bộ T; địa chỉ: Số 10 đường Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình, quận N3, thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: Phòng số 02, tầng 14, Nhà B số 102 Thái Thịnh, quận Đ, thành phố H (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân tỉnh B D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B D; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ D2, tỉnh B D;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D3, chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh B D; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh B D thuộc phường Hòa Phú, thành phố Thủ D2, tỉnh B D; (Văn bản ủy quyền số 5296/UBND-BTCD ngày 05/11/2018) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2 Ông Bùi Vĩnh T1, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 195 đường Nguyễn Tri Phương, khu phố Bình Minh 1, phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Bùi Vĩnh T1: Ông Phạm Minh T2, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 12, đường D3, khu dân cư Chánh Nghĩa, thành phố Thủ D2, tỉnh B D (Văn bản ủy quyền số 002538 ngày 13/3/2019 tại Văn phòng công chứng Thành Phố Mới) có mặt.

3.3 Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh B D; địa chỉ: Số 29 đường Chùa Hội Khánh, phường Phú Cường, thành phố Thủ D2, tỉnh B D (vắng mặt).

3.4 Bà Bùi Vĩnh H1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 7/5 đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố M (vắng mặt)

3.5 Bà Bùi Vĩnh X, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Thị Hiền, phường Thanh Bình, thành phố B1, tỉnh Đ4 (vắng mặt).

3.6 Bà Nguyễn Thị Đ5, sinh năm 1925; địa chỉ: Số 27 đường Hồ Văn Tú, phường Trường Thọ, quận T3, Thành phố M (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Chùa B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Lê Minh P trình bày:

Nguồn gốc phần đất có diện tích khoảng 10.310m², thuộc các thửa đất số 612, 613, 620, 621, 623, 624, 625 và 626, tờ bản đồ số 03; trên đất có các hạng mục công trình xây dựng kiên cố gồm: Chánh điện chùa, nhà thờ họ Bùi, nhà khách, nhà kho, Tượng Quan Âm lộ thiên, Tháp thờ chiến sĩ... , tọa lạc tại số 11/31, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D, do Cố Ni trưởng Thích nữ Đạt Huyền, thế danh Bùi Thị X là người khai sơ, lập Chùa để xuất gia tu hành theo Hệ phái gốc: “Thiên Thai giáo Quán Tông”.

Năm 1960, Cố Ni trưởng Thích nữ Đạt Huyền cho xây dựng lại “Am Bửu tự” thành “Chùa B” gồm có 09 nóc Chùa. Năm 1972, Giáo hội Thiên Thai Quán Tông được thành lập, Cố Ni trưởng Thích nữ Đạt Huyền đăng ký và đưa Chùa gia nhập Giáo hội.

Ngày 14/12/1978, Cố Ni trưởng Thích nữ Đạt Huyền lập di chúc giao quyền thừa kế toàn bộ tài sản của Chùa B cho Thích nữ Tấn Nhẫn - tức bà Võ Thị H2, có sự chứng kiến của ông Phạm Văn Lộc - cán bộ Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã An Bình và các nhân chứng khác trong dòng họ Bùi ký tên xác nhận vào tờ di chúc.

Năm 1979, Cố Ni trưởng Thích nữ Đạt Huyền, thế danh là bà Bùi Thị X chết, sư cô Thích nữ Tấn Nhẫn - tức bà Võ Thị H2 thực hiện theo di chúc, tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản thuộc Chùa B.

Năm 1983, sư cô Thích nữ Tấn Nhẫn - tức bà Võ Thị H2 tiến hành đăng ký ruộng đất và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã An Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 966/ĐKRĐ ngày 14/12/1983 với diện tích kê khai là 1.000m², tại các thửa đất số 112, 107, 108 tờ bản đồ số 01. Năm 2005, sư cô Thích nữ Tấn Nhẫn - tức bà Võ Thị H2 chết, sư cô Thích nữ An Lượng – tức bà Lê Thị V1 tiếp tục quản lý Chùa.

Ngày 10/5/2012, UBND tỉnh B D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa B được quyền sử dụng diện tích 8.606,1m²; trong đó diện tích đất Tôn giáo 6.779,7m² và diện tích đất trồng cây lâu năm 1.826,4m². Ngày 16/01/2015, Chủ tịch UBND tỉnh B D ban hành Quyết định số 95/QĐ-UBND về việc bác đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1 (đại diện dòng họ Bùi) yêu cầu UBND tỉnh B D thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 674396 cấp ngày 25/5/2012 cho Chùa B.

Ngày 08/02/2018, Bộ trưởng Bộ T ban hành Quyết định số 454/QĐ-BTTNMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1, nội dung:

Quyết định công nhận khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1 là có cơ sở. Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh B D ban hành Quyết định điều chỉnh nội dung Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh B D theo hướng công nhận cho Chùa B sử dụng diện tích 5.670,9m² đất (gồm thửa 629, diện tích 3.997m² và diện tích 1.673,9m² đất thuộc một phần thửa đất số 546 có sân, Chánh điện, đài thờ phật Quan Âm thuộc khu C1 và D theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Dĩ An lập ngày 18/7/2017) và công nhận cho dòng họ Bùi diện tích 4.266,1m² đất còn lại có khu mộ, nhà thờ họ Bùi, lối đi vào nhà thờ và khu đất trống cạnh khu mộ (thuộc khu A1, A2, C2 và B theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Dĩ An lập ngày 18/7/2017).

Quyết định này không có căn cứ, không phù hợp với hiện trạng đất. Vì toàn bộ khu đất phía sau (khu D) không có lối đi vào gây khó khăn cho các Ni sư và Phật tử sinh hoạt tại Chùa. Cho nên, Chùa B yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1.

Người bị kiện Bộ trưởng Bộ T trình bày:

Phần đất ông Bùi Vĩnh T1 khiếu nại có diện tích 9.934m² tọa lạc tại số 11/31, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ A, tỉnh B D, trong đó diện tích đất 5.937m² có nguồn gốc đất của ông Bùi Văn Lố (là ông nội của ông T1) và diện tích đất 3.997m² có nguồn gốc của bà Bùi Thị X (là con ông Lố, cô ruột của ông T1) chết để lại. Năm 1938, ông Lố xây dựng hai ngôi mộ để lo hậu sự cho ông Lố và bà Em (là vợ ông Lố). Năm 1940, ông Lố xây dựng một Am Bửu tự cho bà Bùi Thị X làm nơi tu hành. Ngày 12/8/1949, ông Lố có lập một tờ di chúc giao toàn bộ diện tích đất nói trên cho ông Bùi Văn Đố quản lý, sử dụng trong đó có điều kiện ông Đố không được cầm cố, sang nhượng. Năm 1954, ông Bùi Văn Đố chết, ông Bùi Văn Cao tiếp tục quản lý, sử dụng, phần Am Bửu tự bà X sử dụng làm nơi tu hành. Ngày 10/4/1957, bà Bùi Thị X mua thêm diện tích đất 3.997m² của ông Bùi Văn Dừa để sử dụng. Năm 1960, bà X xây dựng lại Am Bửu tự thành Chánh điện thờ phật. Năm 1966, bà Em chết. Năm 1968, ông Lố chết và được an táng tại hai ngôi mộ đã xây dựng vào năm 1938.

Ngày 14/12/1978, bà X lập một tờ di chúc để lại cho bà Võ Thị H2 được trọn quyền thừa kế và sử dụng nhà, đất gồm: Đất đai, nhà Chùa, vườn cây, vật dụng trong Chùa.

Năm 1979, bà X chết, bà H2 tiếp tục quản lý Chùa để tu hành. Năm 1983, bà H2 đến UBND xã An Bình lập thủ tục đăng ký kê khai ruộng đất với diện

tích 1.000m², được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã An Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất. Năm 1996, Sở Địa chính tỉnh B D có lập sổ mục kê đất và ghi nhận bà H2 có quản lý, sử dụng khuôn viên Chùa B, với tổng diện tích 11.293m², loại đất thổ cư và cây lâu năm khác. Năm 1996, ông Bùi Văn Cao chết được an táng tại khu mộ của ông Lố và bà Em. Năm 2004, bà H2 có lập một Văn tự viết tay cử bà Lê Thị V1 được thừa kế trụ trì Chùa B. Ngày 28/7/2004, Hội đồng gia tộc họ Bùi thỏa thuận cho ông T1 được xây dựng một căn nhà gần khu mộ, trên khu đất 200m² (có kích thước chiều ngang 10m và chiều dài 20m), giáp đường Nguyễn An Ninh, thuộc thửa số 547, với mục đích để ở và bảo quản mồ mả thân tộc họ Bùi.

Ngày 11/8/2004, ông Bùi Vĩnh T1 có làm đơn xin cấp Giấy phép xây dựng nhà ở trên diện tích đất 200m², tại thửa số 547, nhưng không được chính quyền địa phương chấp nhận vì diện tích đất chưa được chuyển mục đích sử dụng sang đất ở.

Ngày 30/9/2004, Tỉnh hội Phật giáo tỉnh B D có Văn bản số 75/XN-BTS về việc xác nhận Chùa B là cơ sở Tự Viện, thuộc sự quản lý về mặt Tôn giáo của Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Bình Dương. Năm 2005, bà Hương chết, bà Vàng tiếp tục quản lý chùa để tu hành.

Ngày 19/4/2005, ông Bùi Vĩnh T1, ông Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Thị Đ5 có làm đơn khiếu nại tranh chấp đất với Chùa B.

Ngày 19/6/2006, UBND tỉnh B D có Công văn số 3092/UBND-NC về việc trả lại đơn khiếu nại của ông T1, ông T4, bà Đỗ để các ông, bà thực hiện quyền khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với Chùa B tại Tòa án nhân dân. Ông T1, ông T4 và bà Đỗ không làm đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với Chùa B tại Tòa án mà tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh B D yêu cầu được giải quyết.

Ngày 05/02/2007, Ban Tôn giáo - Dân tộc tỉnh B D ban hành Văn bản báo cáo số 38/BDTTG-BC về việc kiến nghị UBND tỉnh B D xem xét, chấp thuận giải quyết theo hướng: Tỉnh hội Phật giáo sẽ được UBND tỉnh B D giao phần diện tích đất có ngôi chùa Chánh điện, đài thờ Phật Quan Âm và toàn bộ diện tích đất 3.997m² đất có nguồn gốc của bà X mua lại của ông Dừa; Gia tộc họ Bùi được nhận lại toàn bộ diện tích đất còn lại gồm: Nhà thờ họ Bùi, nhà khách, nhà bếp và mồ mả gia tộc; việc bồi hoàn giá trị các công trình mà Chùa đã xây dựng trên phần đất giao cho gia tộc họ Bùi do hai bên tự thương lượng.

Ngày 27/3/2007, UBND thị trấn Dĩ An (nay là phường Dĩ An) tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa gia tộc họ Bùi với Chùa B, kết quả hòa giải không thành.

Ngày 01/8/2007, Ban Tôn giáo - Dân tộc tỉnh B D phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B D, Sở Xây dựng tỉnh B D và UBND huyện (nay là thị xã) Dĩ An tiến hành hòa giải theo hướng đề nghị của Ban Tôn giáo - Dân tộc tại Báo cáo số 38/BDTTG-BC ngày 05/02/2007, kết quả hòa giải không thành.

Ngày 21/9/2011, ông Bùi Vĩnh T1 khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với Chùa B tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

Ngày 30/9/2011, ông Bùi Vĩnh T1 làm đơn xin rút lại đơn khởi kiện và tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan Trung ương.

Ngày 10/10/2011, Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có Công văn số 3823/TDTW về việc chuyển đơn khiếu nại việc tranh chấp đất giữa gia tộc họ Bùi với Ni chứng Lê Thị V1 đến Chủ tịch UBND tỉnh B D xem xét giải quyết.

Ngày 16/8/2012, Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước tiếp tục có Công văn số 2444/TDTW về việc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh B D sớm giải quyết đơn tranh chấp và trả lời cho ông T1.

Ngày 16/01/2015, Chủ tịch UBND tỉnh B D ban hành Quyết định số 95/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông T1 có nội dung: *“Bác đơn khiếu nại của ông T1 (đại diện dòng họ Bùi)”*.

Không đồng ý Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B D, ông Bùi Vĩnh T1 tiếp tục khiếu nại đến Bộ T

Ngày 08/02/2018, Bộ trưởng Bộ T ban hành Quyết định số 454/QĐ-BTNMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1 với nội dung: *“Công nhận khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1 là có cơ sở. Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B D ban hành quyết định điều chỉnh nội dung Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B D theo hướng công nhận cho Chùa B sử dụng diện tích 5.670,9m² đất (gồm thửa 629, diện tích 3.997m² và diện tích 1.673,9m² đất thuộc một phần thửa 546 có sân, Chánh điện, đài thờ Phật Quan âm thuộc Khu C1 và D theo Bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Dĩ An lập ngày 18 tháng 7 năm 2017) và công nhận cho dòng họ Bùi diện tích 4.266,1m² đất còn lại có khu mộ, nhà thờ họ Bùi, lối đi vào nhà thờ và khu đất trống cạnh khu mộ (thuộc khu A1, A2,*

C2 và B theo Bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Dĩ An lập ngày 18 tháng 7 năm 2017)”.

Từ những căn cứ trên, Bộ trưởng Bộ T giữ nguyên Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND và UBND tỉnh B D trình bày:

Từ năm 2007 - 2011, ông Bùi Vĩnh T1 không có đơn khiếu nại hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân, vì ông T1 khiếu nại tranh chấp tài sản gắn liền với đất thuộc khuôn viên Chùa B. Ngày 25/5/2011, bà Lê Thị V1 làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09/4/2012, bà Lê Thị V1 tiếp tục làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 04/5/2012, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B D có Tờ trình số 163/TTr-STNMT gửi UBND tỉnh B D về việc công nhận quyền sử dụng đất cho Chùa B. Ngày 10/5/2012, UBND tỉnh B D ban hành Quyết định số 1237/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng diện tích 8.606,1m² đất cho Chùa B. Mặc dù, phần diện tích 8.606,1m² đất thuộc thửa số 612, tờ bản đồ 3AB.8, tọa lạc tại số 11/31, đường Nguyễn An Ninh, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An có nguồn gốc đất của ông Bùi Văn Lố và bà Nguyễn Thị Em chết để lại từ năm 1966, vì phần đất trên do Chùa B quản lý sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1968 cho đến nay (trên 30 năm). Trong quá trình sử dụng, Chùa B có đăng ký kê khai với chính quyền địa phương vào năm 1983 và được ghi nhận trong sổ mục kê của Sở Địa chính tỉnh B2 vào năm 1996.

Ông Bùi Vĩnh T1 và gia tộc họ Bùi không có quản lý, sử dụng phần đất trên, cho đến năm 2004, ông Bùi Vĩnh T1 mới làm đơn tranh chấp đất với Chùa B. Vụ việc đã được các cơ quan có thẩm quyền hòa giải, hướng dẫn ông T1 khởi kiện tranh chấp đất với Chùa B do bà Lê Thị V1 quản lý tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, nhưng sau đó ông T1 đã rút đơn khởi kiện. Việc UBND tỉnh B D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa B là đúng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 51 Luật Đất đai năm 2003. Chủ tịch UBND tỉnh B D vẫn giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2015. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B D giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Bùi Vĩnh T1 trình bày:

Diện tích đất đang tranh chấp giữa gia tộc họ Bùi với Chùa B thuộc đất hương hỏa của gia tộc họ Bùi có di chúc hợp pháp để lại, vì thế căn cứ theo Luật Dân sự về thừa kế, toàn bộ diện tích đất hương hỏa theo di chúc thuộc quyền quản lý sử dụng của gia tộc họ Bùi, nên việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất 9.937m² tọa lạc tại số 11/31 đường Nguyễn An Ninh, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Dĩ An đo đạc thực tế 11/7/2017 cho gia tộc họ Bùi là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, ngày 08/02/2018, Bộ trưởng Bộ T đã ban hành Quyết định số 454/QĐ-BTNMT về việc giải quyết khiếu nại, trong đó công nhận cho Chùa B quản lý, sử dụng diện tích 5.670,9m² đất theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Dĩ An lập ngày 18/7/2018 thuộc các khu C1, D. Dòng họ Bùi được quản lý diện tích 4.266,1m² thuộc các khu A1, A2, C2 và B theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Dĩ An lập ngày 18/7/2018 là không phù hợp. Do đó, ông T1 đại diện dòng họ Bùi không đồng ý với Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1.

Ông Bùi Vĩnh T1 có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án tuyên: Hủy Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1; hủy Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh B D về việc công nhận quyền sử dụng đất với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Chùa B được quyền sử dụng diện tích 8.606,1m² tại thửa đất số 612, tờ bản đồ số 3AB.8 thuộc phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI.674396 ngày 25/5/2012 của UBND tỉnh B D cấp cho Chùa B sử dụng diện tích 8.606,1m² tại thửa đất số 612, tờ bản đồ số 3AB.8 thuộc phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh B D và hủy Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh B D trình bày:

Chùa B được thành lập vào năm 1938, do Ni sư Thích Nữ Đạt Huyền thành lập, sau đó Ni sư Thích Nữ Tấn Nhẫn kế thế trụ trì. Năm 1983. Phật giáo tỉnh B2 thành lập, Chùa B là một trong những ngôi Tự viện tích cực tham gia đóng góp công tác Phật sự của tỉnh. Năm 1984, Chùa B là trụ sở Ban Đại diện Phật giáo huyện Thuận An trước đây (nay thị xã Dĩ An). Hiện nay, Chùa B là một cơ sở Tự Viện hợp pháp thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Trị sự

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh B D quản lý theo quy định Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Ban Trị sự Phật giáo tỉnh B D xét thấy nội dung đơn khởi kiện của Chùa B yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ Trưởng Bộ T là đúng pháp luật. Ngày 25/6/2019, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Văn phòng II Trung ương Giáo hội có Công văn số 239/CV.HĐTS “*v/v phúc đáp công văn đề nghị cung cấp thông tin Chùa B*” có nội dung như sau:

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nội quy Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam:

1. Các Tự viện được xây dựng trước ngày 07.11.1981 là cơ sở Tôn giáo hợp pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam theo quy định tại Điều 57 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

2. Những Tự viện do tổ chức giáo hội, tổ chức Hội, Hệ phái xây dựng trước ngày 07/11/1981 thuộc quyền quản lý, điều hành trực tiếp của các cấp giáo hội Phật giáo từ Trung ương đến địa phương, có sự lưu tâm đến đặc thù, truyền thống của từng sơn môn, Hệ phái trong hệ thống giáo hội Phật giáo Việt Nam. Như vậy, Chùa B bao gồm động sản, bất động sản, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất, quần thể công trình kiến trúc, cây lâu năm là giáo sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do các cấp giáo hội quản lý. Người đại diện theo pháp luật của Chùa B là Sư cô Thích nữ An Lượng, thế danh Lê Thị V1 trụ trì chùa. Cho nên, Chùa B là cơ sở (động sản, bất động sản) thuộc quyền quản lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam trực tiếp điều hành và quản lý.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ5, bà Bùi Vĩnh X và bà Bùi Vĩnh H1 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của ông Bùi Vĩnh T1, ngoài ra không còn ý kiến nào khác.

Ngày 17/01/2019, Tòa án tiến hành lập biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tại phần đất có khu mộ, nhà thờ họ Bùi, lối đi vào nhà thờ và khu đất trống cạnh khu mộ tọa lạc tại số 11/31, đường Nguyễn An Ninh, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, như sau: Ranh giới giáp đường Nguyễn An Ninh có một cổng Chùa và tường rào đúc bê tông kiên cố, xây dựng vào năm 2007, tài sản gắn liền diện tích đất đang tranh chấp có tổng diện tích 9.937m² gồm:

+ Ngôi nhà Chánh điện, mái lợp ngói âm dương, cột đúc tròn bê tông, nền gạch men dài 30,9m, rộng 12,5m = 386,25m²;

+ Ngôi nhà thờ họ có hai gian, gian 1 diện tích xây dựng: 11,8m x 11,3m = 113,34m², gian 2 diện tích xây dựng: 13,8m x 10,3m = 142,14m²;

+ Ngôi nhà bếp cấp 4 có diện tích xây dựng: 10,3m x 12,3m = 126,69m² (theo Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường phân chia cho Chùa có diện tích: 3,3 x 12,3m, chia cho dòng họ Bùi có diện tích: 07m x 12,3m);

+ Ngôi nhà ăn có diện tích: 17,5m x 3,3m = 122,5m² (Do Chùa tự xây dựng vào năm 2014);

+ Ngôi nhà (quán cơm chay có diện tích: 10m x 05m = 50m²);

+ Trên đất có trồng nhiều cây lâu năm và một khu mộ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2018/HC-ST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B D, quyết định:

Căn cứ các Điều 30; 32; 55; 98; 115; 116; 134; khoản 1, Điều 158; khoản 1, Điều 164; điểm b, khoản 2, Điều 193; Điều 194; Điều 204; khoản 1, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 2, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Chùa B; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Vĩnh T1.

Tuyên xử:

1. Hủy Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B D về việc công nhận quyền sử dụng đất với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Chùa B tại phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI.674396 ngày 25/5/2012 của UBND tỉnh B D cấp cho Chùa B, địa chỉ: Khu phố Bình Minh, phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D.

3. Hủy Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1.

4. Hủy Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1; buộc Bộ trưởng Bộ T thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2019, Chùa B kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B D về việc công nhận quyền sử dụng đất với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Chùa B và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI.674396 ngày 25/5/2012 của UBND tỉnh B D cấp cho Chùa B đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Chùa B.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho Chùa B cho rằng nguồn gốc đất của Chùa B là do cụ Lố lập di chúc để lại cho con là sư cô H2 và sau đó sư cô H2 nhận chuyển nhượng thêm đất. Đất đã được kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa trắng), đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Chùa B công nhận Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B D, Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1; hủy bỏ Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 18/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1.

Người bảo vệ quyền lợi cho Bộ T cũng cho rằng nguồn gốc đất của cụ Lố để lại, sau đó sư cô H2 nhận chuyển nhượng thêm, trên đất có tài sản và mộ của họ Bùi, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết bảo đảm quyền lợi của Chùa B và họ Bùi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 cho rằng nguồn gốc đất và tài sản trên đất là do cụ Lố để lại. Tại di chúc cụ Lố chỉ giao chùa cho bà X quản lý, tu hành chứ không giao quyền sở hữu nên đề nghị bác đơn kháng cáo của Chùa B.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố M về vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thủ tục tố tụng; về nội dung vụ án, việc tranh chấp, khiếu nại giữa ông T1 và Chùa B chưa giải quyết dứt điểm thì UBND tỉnh B D cấp QSSĐ cho Chùa B là chưa đúng quy định của pháp luật. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ T cũng không đúng. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên hủy các quyết định là có căn cứ, đúng quy

định của pháp luật. đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của Chùa B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Đơn kháng cáo của Chùa B đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của Chùa B và đơn yêu cầu độc lập của ông Bùi Vĩnh T1, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai” là đúng quy định. Đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T, Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B D, Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh B D về việc công nhận quyền sử dụng đất với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Chùa B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI.674396 ngày 25/5/2012 của UBND tỉnh B D cấp cho Chùa B. Thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B D được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét đơn kháng cáo của Chùa B:

[2.1]. Theo tài liệu có trong hồ sơ thì nguồn gốc diện tích 9.937m² đất hiện Chùa B và ông Bùi Vĩnh T1 tranh chấp, khiếu nại tọa lạc tại đường Nguyễn An Ninh, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh B D là của cụ Bùi Văn Lố và cụ Nguyễn Thị Em đứng tên sử dụng từ những năm 1938.

[2.2]. Ngày 10/8/1949, cụ Bùi Văn Lố lập một tờ di chúc phân chia tài sản hương quả cho những người con, được Sở Tư pháp tại Sài Gòn đóng dấu, xác nhận. Trong đó nội dung giao cho ông Bùi Văn Đ6 quản lý thừa đất số 546 có diện tích 0,25ha, thửa đất số 547 có diện tích 0,085ha, thửa đất số 548 có diện tích 0,282ha để làm hương quả dòng họ Bùi, được Chi nhánh Cục Công nghệ Thông tin tại Thành phố M sao lục họa đồ vị trí, trích sao sổ địa bộ lập ngày 07/01/2013. Ngày 30/4/1954, ông Bùi Văn Đ6 chết. Đến ngày 30/6/1964, cụ Bùi Văn Lố và cụ Nguyễn Thị Em lập một Tờ chúc ngôn giao phần đất gắn liền với ngôi chùa Bửu Tự (đã giao cho ông Bùi Văn Đ6 ngày 10/8/1949), cho bà Bùi Thị

X quản lý để thờ phụng cúng gia tộc, được chính quyền xã An Bình, quận Dĩ An, tỉnh Biên Hòa vi chứng xác nhận vào ngày 30/6/1964.

[2.3]. Ngày 14/12/1978, bà Bùi Thị X lập một Tờ di chúc để lại toàn bộ tài sản gồm: Đất đai, nhà chùa, vườn cây, vật dụng chứa trong chùa cho bà Võ Thị H2 trọn quyền quản lý, sử dụng. Tờ di chúc chưa được chính quyền địa phương xác nhận nhưng có 03 người làm chứng ký tên xác nhận vào tờ di chúc là bà Bùi Thị Thời, bà Phạm Thị Nhạn và ông Phan Văn Lộc (hiện nay các người làm chứng đã chết). Ngày 14/12/1983, UBND xã An Bình cấp giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất diện tích 10.000m² cho bà Võ Thị H2. Năm 1996, Sở Địa chính tỉnh B D vào sổ mục kê đất ghi nhận bà Võ Thị H2 đang quản lý, sử dụng các thửa đất số: 612, 613, 620, 621, 622, 623, 624, 625 và 626, thuộc tờ bản đồ chính quy năm 1995 với tổng diện tích đất 11.293m², loại đất thổ cư và cây lâu năm khác.

[2.4]. Ngày 30/8/2004, ông Bùi Vĩnh T1 là cháu ruột của cụ Bùi Văn Lố và cụ Nguyễn Thị Em đại diện làm đơn tranh chấp, khiếu nại đất và tài sản trên đất với Chùa B. Năm 2005, bà Võ Thị H2 chết, bà Lê Thị V1 tiếp tục là người quản lý Chùa B.

[2.5]. Diện tích đất trên 11.000m² và công trình, cây trái trên đất tọa lạc tại đường Nguyễn An Ninh, khu phố Bình Minh 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh B D hai bên đang tranh chấp, khiếu nại đã có giấy tờ của chế độ cũ công nhận của cụ Bùi Văn Lố và cụ Nguyễn Thị Em. Đến năm 1983, UBND xã An Bình cấp giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất cho bà Võ Thị H2 và đến năm 1996, Sở Địa chính tỉnh B D vào sổ mục kê đất ghi nhận bà Võ Thị H2 đang quản lý, sử dụng đất. Hơn nữa, diện tích đất hai bên khiếu nại có liên quan đến di chúc, chúc ngôn, hợp đồng chuyển nhượng đất và đặc biệt hai bên có tranh chấp tài sản trên đất. Do đó, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mới đảm bảo việc giải quyết vụ án triệt để theo quy định tại khoản 2, 3, 5, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2.6]. Ông Bùi Vĩnh T1 đã khiếu nại từ năm 2004 chưa được giải quyết dứt điểm nhưng Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh B D đã công nhận quyền sử dụng đất với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Chùa B được quyền sử dụng diện tích 8.606,1m², tại thửa đất số 612, tờ bản đồ số 3AB.8 thuộc phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh B D và UBND tỉnh B D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên cho cho Chùa B

là không đúng quy định của Luật Khiếu nại và quy định của pháp luật đất đai. Cấp sơ thẩm hủy bỏ các quyết định trên thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án là có căn cứ.

[3]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố M, bác kháng cáo của Chùa B, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Chùa B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Chùa B; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 2, 3, 5, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chùa B; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Vĩnh T1.

Hủy Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B D về việc công nhận quyền sử dụng đất với hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Chùa B tại phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI.674396 ngày 25/5/2012 của UBND tỉnh B D cấp cho Chùa B, địa chỉ: Khu phố Bình Minh, phường Dĩ An, thị xã D1 A, tỉnh B D.

Hủy Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1.

Hủy Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Vĩnh T1;

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Chùa B không phải chịu. Hoàn trả cho Chùa B 300.000 (ba trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2016/0026849 ngày 22/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B D.

Ông Bùi Vĩnh T1 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Bùi Vĩnh T1 300.000 (ba trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2016/0026870 ngày 15/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B D.

Bộ trưởng Bộ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chùa B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0027154 ngày 06/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B D nên Chùa B nộp xong án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 26/5/2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đường sự (8);
- Lưu VP (6), HS (1) PTHH-20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý